

Số: 13/2020/QĐST-DS

Thủy Nguyên, ngày 06 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2020/TLST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T; Địa chỉ: Số 28C- 28D, B, phường H, quận HH, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến D; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mai Anh T; chức vụ: Cán bộ ngân hàng T; (Văn bản ủy quyền số 20 ngày 11 tháng 8 năm 2019).

Bị đơn: Ông Trần Văn C sinh năm 1965 và bà Phạm Thị C sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 10, thôn H, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; Người đại diện ủy quyền của bà Phạm Thị C: Ông Trần Văn C sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 10, thôn H, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số dư nợ: Ông Trần Văn C và bà Phạm Thị C phải thanh toán trả Ngân hàng T số tiền tính đến hết ngày 26/3/2020 là **820.820.971 đồng (trong đó nợ gốc là 232.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 121.840.867 đồng, nợ lãi quá hạn: 466.980.104 đồng).**

Về phương án trả nợ:

Từ tháng 5 năm 2020 đến ngày 30/9/2020, hàng tháng ông Trần Văn C và bà Phạm Thị C phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc tối thiểu là **5.000.000 đồng**; Thời gian trả nợ chậm nhất là vào ngày 20 (đương lịch) hàng tháng.

Chậm nhất đến ngày **31/10/2020**, ông Trần Văn C và bà Phạm Thị C phải trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi quá hạn còn lại cho ngân hàng.

Ông Trần Văn C và bà Phạm Thị C vẫn phải tiếp tục chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 27/3/2020 cho đến khi ông C, bà C trả hết toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt (nay là Ngân hàng T).

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Nếu ông Trần Văn C và bà Phạm Thị C vi phạm bất kỳ một nghĩa vụ trả nợ hoặc cam kết nào theo phương án trả nợ đã nêu trên thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 922, tờ bản đồ số 03 tại xóm 10, thôn Hà Lương, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; diện tích 922m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE103615, số vào sổ 01477/H/2006 do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 04 tháng 4 năm 2006 cho ông Trần Văn C và vợ là Phạm Thị C.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp nêu trên không đủ để trả nợ, thì ông Trần Văn C và bà Phạm Thị C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T cho đến khi trả hết nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt (nay là Ngân hàng T).

- Về án phí: Ông Trần Văn C và Bà Phạm Thị C nhận nộp cả 18.312.315 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 17.000.000 đồng theo Biên lai số 0003397 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhã